

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 18 – 8 – 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Dư Văn Thanh

2. Ông Phạm Hữu Thắng

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Chí Thức, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2022/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị **Trần Thị Thuỳ T**, sinh ngày xx/xx/xxxx

Nơi cư trú: Số , đường C, khóm , phường , thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

***2. Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh ngày xx/xx/xxxx.

Địa chỉ: Số , đường V, khóm , phường , thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Thuỳ T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P chung sống với nhau vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, thành phố Sóc Trăng vào ngày 19/6/2013, hôn nhân do hai người tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, do bất

đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P không chăm lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu, quen biết với người phụ nữ khác.... Đến năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều và trầm trọng nên chị T và anh P không còn sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2017 (chị T về nhà cha mẹ ruột ở Bạc Liêu sinh sống, còn anh P sinh sống tại Sóc Trăng). Chị T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Phong Đ, sinh ngày 10/11/2011. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh P cấp dưỡng cho cháu Đ mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng tại phiên toà hôm nay chị T thay đổi yêu cầu không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho cháu Đ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày, vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với các đương sự nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật cụ thể là vắng mặt nhiều lần không có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

#### **Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị T và anh P là vợ chồng trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh P và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn. Cho nên, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện chị T xin ly hôn với anh P và sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đây là vụ án được xác định theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh P có địa chỉ thường trú tại

thành phố Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Toà án đã tổng đạt hợp lệ bị đơn đến tham gia phiên toà lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

### **Về nội dung:**

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P kết hôn vào năm 2013, có đi đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T và anh P đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T: Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị T và anh P chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của chị T do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P không chăm lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu, quen biết với người phụ nữ khác.... Từ đó, cho thấy thực trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Hiện nay, chị T và anh không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau điều này thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[6] Về con chung: Chị T và anh P có 01 người con tên Nguyễn Phong Đ, sinh ngày 10/11/2011. Nhận thấy, con từ trước đến nay đều do chị T chăm sóc nuôi dưỡng và hiện nay cháu Đ phát triển bình thường, được chị T chăm lo đầy đủ về các điều kiện sinh hoạt hàng ngày. Xuất phát từ mọi lợi ích của con chung, căn cứ vào Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình cần phải giao con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh P cấp dưỡng cho cháu Đ mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng tại phiên toà chị T tự nguyện thay đổi không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy, việc chị T thay đổi yêu cầu vẫn nằm trong yêu cầu khởi kiện căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị T về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, anh P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và trong quá trình giải quyết vụ án anh P cũng không có đơn yêu cầu phân chia tài sản chung, nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có và trong quá trình giải quyết vụ án anh P cũng không có văn bản trình bày vợ chồng có nợ chung, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án chị T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thuỳ T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

2. Về con chung: Sau khi chị T và anh P ly hôn, con chung tên Nguyễn Phong Đ, sinh ngày 10/11/2011 giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không có cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung tên Nguyễn Phong Đ, sinh ngày 10/11/2011 mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không có xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không có xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thuỳ T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000xxx ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án,*

*hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND -TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- TAND - TST;
- UBND phường 3, TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Thanh Bình**